

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 12-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Bà Trần Thị Minh Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Vũ C- Sinh năm 1991 tại Bình Định.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Lê Văn C và bà Lê Thị P. Bị cáo có vợ là Trần Thị T và có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án, (ngày 07/5/2010, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; ngày 11/5/2010, thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản; ngày 23/9/ 2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và 04 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt của hai tội là 22 tháng tù; tháng 3/2012, chấp hành xong hình phạt. Từ ngày 15 tháng 6 năm 2013 đến ngày 19 tháng 6 năm 2013, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; ngày 28 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đến ngày 28/12/2015, chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Trần Khắc H, sinh năm 1994; trú tại: Thôn 3, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1965; trú tại: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
3. Anh Đặng Chế Minh Đ, sinh năm 2002; trú tại: Tổ 8, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
4. Chị Lê Thị H, sinh năm 1988; trú tại: 35 đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
5. Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1994; trú tại: Tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
6. Anh Trịnh Nhân H, sinh năm 1995; trú tại: 451 đường H, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
7. Anh W, sinh năm 1999; trú tại: Làng N, xã Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
8. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1965; trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
9. Anh Nguyễn Viết B, sinh năm 1984; trú tại: 198 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
10. Bà Phù Thị Ái M, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 11, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
11. Anh Trần Văn H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Ia K, xã Ia B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
12. Anh Đinh Văn A, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Ia R, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/02/2017 đến ngày 10/6/2018, Lê Vũ C đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và cùng với đối tượng tên N (chưa xác định được nhân thân lai lịch) thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện C và thành phố P, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ ngày 20/02/2017, C đi xe ô tô khách từ huyện Đ đến khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, để đón bạn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, do không gặp được bạn và không có xe đi về nên C nảy sinh ý định tìm nhà nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Sau đó, C đi bộ đến nhà ông Nguyễn Đức T thấy nhà không khóa cổng nên mở cổng đi vào thì thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số: 81P1-04229, số khung: C640BY577189, số máy: 5C64577198 dựng phía sau nhà. Lúc này, C đi đến dùng tay mở, đầu nối dây ổ khóa điện và dắt xe ra đường nổ máy, điều khiển xe mô tô trên về hướng huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau đó, C mang xe mô tô này đến khu vực cửa khẩu Lệ Thanh (thuộc xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) để tìm người tiêu thụ thì thấy có lực lượng Công an huyện Đ, sợ bị phát hiện nên C đã bỏ xe lại tại lè

đường và bỏ trốn. Công an huyện Đ đã tiến hành thu giữ chiếc xe trên, sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra Công an huyện C để điều tra, xử lý. Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, 81P1-04229 có trị giá 12.650.000 đồng. Sau khi định giá xong Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bị hại Nguyễn Đức T. Hiện bị hại T không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 18 giờ ngày 10/3/2018, C mang theo trong người 01 văm phá khóa rồi đi xe buýt từ thành phố P đến xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai với mục đích tìm nhà nào sơ hở thì vào trộm cắp xe mô tô. Khi đi bộ đến trước nhà anh Trần Khắc H thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu trắng, biển số: 81P1-18553, số khung: RLCS5C6K0FY231451, số máy: 5C6K231446 của anh Hoàng dựng trước sân nhà và không có ai trông coi. C đến dùng văm mở ổ khóa rồi dắt xe ra ngoài nổ máy, điều khiển xe chạy đến bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán xe cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) được 3.000.000 đồng. Số tiền này, C đã tiêu xài cá nhân hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81P1-18553 có trị giá: 12.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào Khoảng 20 giờ ngày 19/4/2018, C mang theo 01 sợi dây kẽm dài khoảng 06cm và điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 nhãn hiệu FUSACO, loại C100, số khung VUMDCG003UM002413, số máy đã bị đục phá (xe của C) chở N đi tìm nhà nào có xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến số nhà 02 đường L, tổ 06, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng-đen-đỏ, biển số 81B2-264.28, số khung: 0610HY558485, số máy: G3D4E583272 của anh Đặng Chế Minh Đ dựng trước nhà, C dừng xe lại và nói N đứng ngoài cảnh giới. Sau đó, C đi bộ đến gần dùng sợi dây kẽm uốn thành chữ (U) mở khóa điện của xe rồi dắt xe ra ngoài nổ máy cùng N đi đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 8.000.000 đồng. Số tiền này, C chia cho N 4.000.000 đồng, còn C 4.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng-đen-đỏ, biển số 81B2-264.28 có trị giá: 34.000.00 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 18 giờ ngày 27/4/2018, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 nêu trên chở C mang theo văm phá khóa đến trước nhà của chị Châu Thị H ở 35 đường L, tổ 01, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh - đen - bạc, biển số 76M1-07169, số khung RLHHC1219DY565468, số máy HC12E5465634 của chị Hiền đang dựng trước nhà, không có ai trông coi. Lúc này, C nói N đứng ngoài cảnh giới, còn C đi đến gần dùng văm phá khóa điện của xe rồi dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển xe bỏ chạy, còn N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 5.000.000 đồng. Số tiền này, C và N đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không

thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh-đen-bạc, biển số 76M1-07169 có trị giá: 8.500.000 đồng.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 19 giờ ngày 07/5/2018, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chở C mang theo vạm phá khóa, đi tìm nhà nào có xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến trước số nhà 953 đường T, tổ 01, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-đen, biển số 73N2-0064, số khung: 065012, số máy: 6064993 của anh Nguyễn Tuấn T. C nói N đứng ngoài cảnh giới, còn C đi đến dùng vạm phá khóa điện của xe rồi dắt ra ngoài nổ máy bỏ chạy, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán chiếc xe mô tô đã trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 4.000.000 đồng. Số tiền này, C và N đã cùng nhau tiêu xài hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-đen, biển số 73N2-0064 có trị giá: 6.500.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 19 giờ ngày 15/5/2018, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chở C mang theo vạm phá khóa đi tìm ai có xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến trước cửa hàng quần áo của anh Trịnh Nhân H ở số nhà 451 đường H, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng-đen, biển số 29X1-307.00, số khung 222632, số máy 5222722 của anh H đang dựng trước cửa hàng. C nói N đứng ngoài cảnh giới, còn C đi đến dùng vạm phá khóa điện của xe rồi dắt ra ngoài nổ máy lên xe bỏ chạy, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 6.000.000 đồng. Số tiền này, C và N cùng nhau tiêu xài hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng-đen, biển số 29X1-307.00 có trị giá: 11.000.000 đồng.

Vụ thứ 7: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/5/2018, C mang theo vạm phá khóa và điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chở N đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến trước số nhà 686 đường T, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh xám, biển số 81B1-60452 của anh W dựng phía trước nhà không có ai trông coi. C dùng xe lại và nói N đứng ngoài cảnh giới, còn C đi đến dùng vạm phá khóa điện của xe rồi dắt ra ngoài nổ máy lên xe bỏ chạy, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán xe mô tô đã trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 8.000.000 đồng. C chia cho N 4.000.000 đồng, số tiền còn lại C tiêu xài cá nhân hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 81B1-60452 có trị giá 30.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định: Chiếc xe này do anh W mua của anh Hồ Sinh Lực (là chủ tiệm cầm đồ tại 664 đường Trường Chinh, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vào thời gian tháng 01 năm 2017, với giá 34.000.000 đồng. Khi mua, anh Lực có giao cho anh W giấy đăng ký xe mô tô biển số 81B1-60452 mang tên Võ Thanh T (địa chỉ: Tổ

02, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Chiếc xe này anh L nhận cầm cố của một thanh niên (không rõ lai lịch) vào thời gian tháng 12 năm 2016, với số tiền 28.000.000 đồng, hết thời hạn cầm cố vẫn không thấy người thanh niên đó đến chuộc xe nên anh L đã bán cho anh W. Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu, giám định, xác định: Chiếc biển số 81B1-60452 mang tên Võ Thanh T (địa chỉ: Tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) là giả.

Vụ thứ 8: Vào khoảng 12 giờ ngày 31/5/2018, C mang theo văm phá khóa điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 tiếp tục chở N đi, với mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến khu vực hành chính thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-xám-đen, biển số 81T2-9534, số khung 12038Y108381, số máy HC12E0207216 của chị Trịnh Thị H dựng ngoài sân Bệnh viện không có ai trông coi. C nói N đứng ngoài cảnh giới, còn C đi đến dùng văm phá khóa điện của xe trên rồi nổ máy lên xe bỏ chạy, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán chiếc xe mô tô đã trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 5.000.000 đồng. Số tiền này, C và N cùng nhau tiêu xài hết. Do C không xác định được lai lịch của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-xám-đen, biển số 81T2-9534 có trị giá: 7.000.000 đồng.

Vụ thứ 9: Khoảng 10 giờ ngày 09/6/2018, C mang theo văm phá khóa điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 tiếp tục chở N mục đích đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến trước số nhà 256 đường N, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-bạc-đen, biển số 82N1-3106, số khung 157783, số máy 2657803 của anh Nguyễn Viết B dựng phía trước không có người trông coi nên C dừng lại nói N đứng ngoài cảnh giới, còn C đi đến dùng văm phá khóa điện của chiếc xe trên rồi nổ máy lên xe chạy. N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo sau C đến bãi đất trống thuộc xã C, thành phố P thì C giấu xe mô tô vừa trộm cắp được vào bụi cây.

Vụ thứ 10: Sau khi C cất giấu chiếc xe mô tô đã trộm cắp được của anh Nguyễn Viết B xong, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chở C quay lại trung tâm thành phố P, với mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi khu vực chợ T, phường T, thành phố P, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 81B2-307.93, số khung 3906HY317087, số máy JA39E0317098 của chị Phù Thị Ái M dựng tại lề đường trước chợ. Thấy không có ai trông coi xe nên C nói N cảnh giới, còn C đi bộ đến dùng văm phá khóa điện rồi nổ máy xe chạy, N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo sau C. Khi đi đến quán nước trên đường T (không xác định địa chỉ cụ thể) thì C, N vào uống nước và gửi xe mô tô biển số 76V4-9680 tại quán nước. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được chở N đến chỗ đã cất giấu chiếc xe biển số 82N1-3106, để N lấy xe mô tô biển số 82N1-3106, rồi cả hai cùng nhau chạy đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán 02 chiếc xe mô tô đã trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định nhân thân lai lịch) được 12.000.000 đồng. Sau đó, C và N đi bộ ra đón xe khách đi về lại quán nước ở đường Trường Chinh, thành phố P, để lấy chiếc xe mô tô biển số 76V4-9680. Số tiền trên, cả hai đã cùng nhau tiêu xài hết. Do C không xác định được của đối tượng đã mua nên không thu

giữ được 02 chiếc xe trên. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-bạc-đen, biển số 82N1-3106 của anh Nguyễn Viết B có trị giá: 7.500.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số: 81B2-307.93 của chị Phù Thị Ái M có trị giá: 13.800.000 đồng.

Vụ thứ 11: Khoảng 15 giờ ngày 10/6/2018, N tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 nêu trên chở C mang theo vạm phá khóa đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến khu vực quán cà phê M thuộc làng C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển số 81B1-147.32, số khung 0610HY446356, số máy G3D4E46871 của anh Trần Văn H, C nói N dừng xe và đứng cạnh giới, còn C đi đến dùng vạm phá khóa điện của xe và nổ máy bỏ chạy. N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C đã bán chiếc xe mô tô đã trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định nhân thân lai lịch) được 8.000.000 đồng, và cả hai cùng nhau tiêu xài hết. Do C không xác định được của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe trên. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển số 81B1-14732 có trị giá 33.000.000 đồng.

Vụ thứ 12: Khoảng 21 giờ ngày 10/6/2018, N tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 nêu trên chở C mang theo một đoạn dây kẽm dài khoảng 06cm, với mục đích đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi số nhà 1018 đường Trường Chinh, xã C, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai, thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng - đỏ, biển số 81B1-849.66, số khung 0610GY229542, số máy G3D4E242446 của anh Đinh Văn A dựng trước sân nhà, không có ai trông coi. C nói N dừng xe và đứng ngoài cạnh giới, còn C đi đến dùng sợi dây kẽm uốn thành chữ (U) đầu nối dây điện của xe, đề nổ máy rồi lên xe bỏ chạy. N điều khiển xe mô tô biển số 76V4-9680 chạy theo C đến khu vực bờ sông P thuộc thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, C bán chiếc xe mô tô đã trộm cắp được cho một người đàn ông (chưa xác định nhân thân lai lịch) được 8.000.000 đồng. Số tiền này, C và N cùng nhau tiêu xài hết. Do C không xác định được của đối tượng đã mua nên không thu giữ được chiếc xe trên. Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng đỏ, biển số 81B1-849.66 có trị giá 31.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, Lê Vũ C ra đầu thú và giao nộp 01 bình xịt hơi cay màu đỏ đen bằng nhựa; 01 dao bấm bằng kim loại trên dao có ghi chữ KK-5333; 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt N cùng 01 chiếc xe mô tô biển số 76V4- 9680; số khung và số máy đều đã bị đục.

Về dân sự: Các bị hại Trần Khắc H yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng, Đặng Chế Minh Đ yêu cầu bồi thường 34.000.000 đồng, Châu Thị Hyêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng, Nguyễn Tuấn T yêu cầu bồi thường 6.500.000 đồng, Trịnh Nhân H yêu cầu bồi thường 9.000.000 đồng, W yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng, Trịnh Thị H yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng, Nguyễn Viết B yêu cầu bồi thường 7.500.000 đồng, Phù Thị Ái M yêu cầu bồi thường 13.800.000 đồng, Trần Văn H yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng và bị hại Đinh Văn A yêu cầu bồi thường 31.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Vũ C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đối với bị cáo Lê Vũ C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm b, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Vũ C với mức án từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên buộc bị cáo Lê Vũ C bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Vũ C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo sẽ bồi thường cho các bị hại khắc phục hậu quả từ từ và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/02/2017 đến ngày 10/6/2018, Lê Vũ C đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và cùng với đối tượng tên N (chưa xác định được nhân thân lai lịch) thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện C và thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tài sản mà Lê Vũ C đã chiếm đoạt gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số: 81P1-04229 có trị giá: 12.650.000 đồng của Nguyễn Đức T và 01 chiếc xe mô tô biển số: 81P1-18553, có trị giá: 12.000.000 đồng của anh Trần Khắc H.

Lê Vũ C cùng với đối tượng tên N đã chiếm đoạt gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 81B2-264.28, có trị giá: 34.000.00 đồng của anh Đặng Chế Minh Đ; 01 chiếc xe mô tô biển số 76M1-07169, có trị giá: 8.500.00 đồng của chị Châu Thị Hiền; 01 chiếc xe mô tô biển số 73N2-0064, có trị giá: 6.500.000 đồng của anh Nguyễn Tuấn T; 01 chiếc xe mô tô biển số 29X1-307.00 có trị giá 11.000.000 đồng của anh Trịnh Nhân H; 01 chiếc xe mô tô biển số 81B1-60452 có trị giá 30.000.00 đồng của anh W; 01 chiếc xe mô tô biển số 81T2-9534 có trị giá: 7.000.000 đồng của bà Trịnh Thị H; 01 chiếc xe mô tô biển số 82N1-3106 có trị giá 7.500.000 đồng của anh Nguyễn Viết B; 01 chiếc xe mô tô biển số: 81B2-307.93 có trị giá: 13.800.000 đồng của bà Phù Thị Ái M; 01 chiếc xe mô tô biển số 81B1-14732 có trị giá: 33.000.000 đồng của anh Trần Văn H; 01 chiếc xe mô tô biển số 81B1-849.66 có trị giá: 31.000.000 đồng của anh Đinh Văn A.

Tài sản mà C đã chiếm đoạt có tổng giá trị 206.950.000 đồng. Đến ngày 15/6/2018, Lê Vũ C ra đầu thú.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 206.950.000 đồng như đã nêu trên của bị cáo Lê Vũ C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo C chiếm đoạt tài sản có trị giá 206.950.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo C đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm xác định tội phạm và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án (ngày 07/5/2010, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; ngày 11/5/2010, thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản; ngày 23 tháng 9 năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và 04 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt của hai tội là 22 tháng tù; tháng 3/2012, chấp hành xong hình phạt. Từ ngày 15 tháng 6 năm 2013 đến ngày 19 tháng 6 năm 2013, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; ngày 28 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đến ngày 28/12/2015, chấp hành xong hình phạt tù.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Vũ C không có nghề nghiệp, đã thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản và sử dụng số tiền do phạm tội mà có để làm nguồn

sống chính; bị cáo đã “Tái phạm” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “Tái phạm nguy hiểm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại các Điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Vũ C thì thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo C chiếm đoạt tài sản có trị giá 206.950.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo C đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc áp dụng khung hình phạt tăng nặng trong trường hợp này là căn cứ vào trị giá tài sản chiếm đoạt, ngoài ra căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo thì hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”. Bị cáo Lê Vũ C không có nghề nghiệp, đã thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản và sử dụng số tiền do phạm tội mà có để làm nguồn sống chính; bị cáo đã “Tái phạm” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “Tái phạm nguy hiểm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại các Điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự như đã phân tích ở trên.

Bị cáo Lê Vũ C phải chịu xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đã phân tích để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản, không đảm bảo việc thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo Lê Vũ C với số tiền cụ thể như sau:

- Bị hại Trần Khắc H yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Trần Khắc H bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81P1-18553, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh Hoàng. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của anh H.

-Bị hại Đặng Chế Minh Đ yêu cầu bồi thường số tiền 34.000.000 đồng. Anh Đ bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 81B2-264.28, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 34.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh Đ. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

-Bị hại Châu Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Chị H bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 76M1-07169, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 8.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của chị H. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của chị H.

-Bị hại Nguyễn Tuấn T yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000 đồng. Anh T bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 73N2-0064, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 6.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh T. Do vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của anh Thành.

-Bị hại Trịnh Nhân H yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. Anh H bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 29X1-307.00, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 11.000.000 đồng nhưng anh H chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 9.000.000 đồng đó là quyền yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh H. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của anh H.

-Bị hại W yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Anh W bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamah, loại xe Exciter, biển số 81B1-60452, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh W. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của anh W.

-Bị hại Trịnh Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Bà H bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 81T2-9534, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 7.000.000 đồng nhưng bà Hoa chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của bà H. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của bà H.

-Bị hại Nguyễn Viết B yêu cầu bồi thường số tiền 7.500.000 đồng. Anh B bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 82N1-3106, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh B. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của anh B.

-Bị hại Phù Thị Ái M yêu cầu bồi thường số tiền 13.800.000 đồng. Bà M bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 81B2-30793, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 13.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ

C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của bà M. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chấp nhận yêu cầu của bà M.

-Bị hại Trần Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Anh H bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 81B1-147.32, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 33.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C không đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh H. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh H, buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 33.000.000 đồng.

-Bị hại Đinh Văn A yêu cầu bồi thường số tiền 31.000.000 đồng. Anh A bị chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 81B1-849.66, qua định giá, kết luận: Chiếc xe này có trị giá là 31.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của anh A. Do vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của anh A.

Xét đối với yêu cầu của anh Trần Khắc H, một mình bị cáo C chiếm đoạt tài sản của anh H do vậy bị cáo C phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Khắc H.

Đối với yêu cầu của các bị hại khác, là do bị cáo C và đối tượng tên N chiếm đoạt tài sản nên bị cáo C và đối tượng tên N phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Tuy nhiên, hiện nay đối tượng tên N đang bỏ trốn khi nào bắt được sẽ xem xét xử lý sau và bị cáo C cũng đồng ý bồi thường cho các bị hại. Do vậy, bị cáo Lê Vũ C có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại, sau này khi nào bắt xử lý đối với đối tượng tên N thì bị cáo Lê Vũ C có quyền yêu cầu bồi thường với đối tượng tên N trong một vụ án dân sự khác.

Đối với bị hại Nguyễn Đức T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 76V4- 9680, C khai là xe của C, do C mua lại của một người đàn ông (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 3.200.000 đồng vào tháng 4/2018. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã có công văn ủy thác đến Công an tỉnh Quảng Ngãi tiến hành tra cứu, xác minh nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ chiếc xe này để điều tra, xác minh và xử lý sau. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với giấy đăng ký xe mô tô biển số 81B1-60452 mang tên Võ Thanh T, do anh W giao nộp. Qua điều tra xác định giấy đăng ký xe mô tô này là giấy đăng ký giả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ giấy đăng ký xe mô tô này để điều tra, xác minh và xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 (Một) bình xịt hơi cay có thân màu đỏ nắp màu đen là vật thuộc loại Nhà nước tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (Một) dao bấm bằng kim loại, trên cán dao có chữ KK-5333 là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt N. Qua điều tra đã xác định: Đây là số tiền do bị cáo Lê Vũ C bán tài sản trộm cắp mà có nhưng không xác định được ở trong vụ trộm cắp nào nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Về án phí: Bị cáo Lê Vũ C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về con người, sự việc liên quan:

Đối với đối tượng tên N, theo bị can C khai là người đã cùng với C thực hiện hành vi trộm cắp 10 chiếc xe mô tô các loại. Quá trình điều tra, do C không biết được nhân thân lai lịch của N nên chưa có cơ sở để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục điều tra xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập trong bản án này.

Đối với các đối tượng người đã mua 11 chiếc xe mô tô các loại mà C đã chiếm đoạt được. Quá trình điều tra, do C không biết được họ tên và nhân thân lai lịch của các đối tượng này, nên chưa có cơ sở để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục điều tra xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Vũ C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Vũ C 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/6/2018).

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Lê Vũ C phải bồi thường cho các bị hại với số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Trần Khắc H số tiền 12.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Đặng Chế Minh Đ số tiền 34.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Châu Thị H số tiền 10.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Tuấn T số tiền 6.500.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Trịnh Nhân H số tiền 9.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại W số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Trịnh Thị H số tiền 6.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Viết B số tiền 7.500.000 đồng.

- Bồi thường cho bị hại Phù Thị Ái M số tiền 13.800.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Trần Văn H số tiền 33.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Đinh Văn A số tiền 31.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Vũ C phải bồi thường cho các bị hại tổng cộng với số tiền là 192.800.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

-Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bình xịt hơi cay có thân màu đỏ nắp màu đen và 01 (Một) dao bấm bằng kim loại, trên cán dao có chữ KK-5333.

Tuyên tịch thu số tiền 1.300.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Lê Vũ C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 9.640.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

Rmah HThuyền